

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 72/2023/DS-ST

Ngày: 10-7-2023

*V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lại Thị Thu Hà

2. Bà Thạch Thị Lan N

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Thắng – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Tạ Minh N. Sinh năm: 1976. Địa chỉ: Tổ dân phố BĐ, thị trấn NB, huyện LH, Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N. Sinh năm: 1979. Địa chỉ: Tổ dân phố BĐ, thị trấn NB, huyện LH, Lâm Đồng.

(Ông N có mặt còn bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Tạ Minh N trình bày: ngày 07/10/2021 ông có cho bà N vay số tiền gốc

là 60.000.000đồng, bà N hứa trả trong 03 năm mỗi năm sẽ trả cho ông 20.000.000đồng, trong giấy vay tiền không ghi ngày nào phải trả nhưng hai bên đều hiểu là vào ngày 7/10 hàng năm thì bà N sẽ trả cho ông 20.000.000đồng tiền gốc, lãi suất thỏa thuận có ghi trong giấy vay là 1%/ 1 tháng, không ghi rõ thời gian trả lãi nhưng hai bên đều hiểu tiền lãi thì bà N phải trả hàng tháng cho ông, tức là mỗi tháng bà N phải trả cho ông 600.000đồng tiền lãi. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay bà N chưa trả cho ông tiền gốc cũng như chưa trả lãi cho ông. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông số tiền gốc là 60.000.000đồng, tiền lãi theo mức lãi suất 1%/ 1 tháng kể từ ngày vay cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Năm 2019 bà có vay của ông N số tiền 340.000.000đồng, lãi suất 25.000đồng/ 1 triệu/ 1 tháng. Khi vay thì bà có thể chấp cho ông N 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến tháng 10/2020 bà đã trả 300.000.000đồng tiền gốc và 27.000.000đồng tiền lãi, còn nợ lại 40.000.000đồng tiền gốc. Đến ngày 07/10/2021 bà trả cho ông N 60.000.000đồng trong đó có 40.000.000đồng tiền gốc và 20.000.000đồng tiền lãi, số lãi còn lại bà xin ông N. Sau khi tính toán ông N xác định bà nợ ông N cả gốc và lãi là 128.000.000đồng, ông N nói bớt cho bà 8.000.000đồng còn lại 120.000.000đồng thì đã trả 60.000.000đồng còn lại 60.000.000đồng thì ông N nói là viết thành giấy vay tiền và đọc cho bà viết, sau khi bà viết giấy vay tiền thì ông N đã trả cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp trước đó. Tuy nhiên, bà không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh vấn đề này. Khi ký vào giấy vay tiền ngày 07/10/2021 thì chỉ ký đối với số tiền 60.000.000đồng, không thể hiện thỏa thuận về lãi suất, dòng chữ: “*lãi suất 1%*” là do ông N ghi thêm vào. Vì vậy, qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà N xác định chỉ đồng ý trả cho ông N số tiền 60.000.000đồng, bà N không đồng ý trả lãi. Ngoài ra bị đơn không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông N yêu cầu bà N phải trả 60.000.000đồng tiền gốc còn tiền lãi thì ông N xác định không yêu cầu nữa. Bị đơn bà N vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội

quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, buộc bà N phải có trách nhiệm trả cho ông N số tiền 60.000.000đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông N về việc yêu cầu bà N phải trả 9.600.000đồng tiền lãi. Về án phí: buộc bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông N theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét, xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông N cho rằng ngày 07/10/2021 ông có cho bà N vay số tiền là 60.000.000đồng, mỗi năm bà N sẽ trả cho ông 20.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 1%/ 1 tháng. Nhưng từ khi vay, bà N không trả cho ông Tiền gốc cũng như không trả lãi, ông đã đòi nhiều lần nhưng không được nên ông khởi kiện yêu cầu bà N phải trả cho ông số tiền gốc là 60.000.000đồng, tiền lãi theo mức 1%/ 1 tháng kể từ ngày vay cho đến khi Tòa án xét xử xong vụ án. Còn bà N chỉ thừa nhận có viết và ký giấy nhận nợ với số tiền 60.000.000đồng vào ngày 07/10/2021 nhưng hai bên không thỏa thuận lãi suất nên bà N không đồng ý trả số tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của ông N nên các bên phát sinh tranh chấp. Do đó, cần căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đây là vụ án dân sự về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông Tạ Minh N và bà Nguyễn Thị N có xác lập giấy vay tiền vào ngày 07/10/2021 với số tiền là 60.000.000đồng. Bà N thừa nhận nội dung trong giấy vay tiền là do bà viết và có ký ghi họ tên nhưng thực tế đây là tiền lãi của khoản tiền bà vay ông N từ năm 2019 chứ không phải tiền gốc, khi bà viết giấy này là do bị ông N ép buộc nếu không viết thì ông N không trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà đã thế chấp cho ông N nên bà mới viết chứ thực tế bà N không vay ông N khoản tiền này. Tuy nhiên, ông N không thừa nhận đây là tiền lãi mà khẳng định đây là tiền gốc, khoản vay năm 2019 bà N đã trả cho ông xong, không còn liên quan đến số tiền này nữa, bà N cũng không xuất trình được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ, đồng thời quá trình giải quyết vụ án bà N đồng ý

trả cho ông N số tiền 60.000.000đồng. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N buộc bà N phải trả cho ông N số tiền gốc là 60.000.000đồng.

[4] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án ông N yêu cầu bà N phải có trách nhiệm trả cho ông tiền lãi theo mức lãi suất là 1%/tháng, số tiền lãi ông N yêu cầu bà N phải trả tính đến ngày khởi kiện là 9.600.000đồng còn bà N không đồng ý trả tiền lãi cho ông N. Tại phiên tòa hôm nay, ông N rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà N phải trả tiền lãi nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông N về việc yêu cầu bà N phải trả 9.600.000đồng tiền lãi.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Bị đơn bà N có đơn xin giảm nộp tiền án phí do có hoàn cảnh kinh tế khó khăn tuy nhiên Ủy ban nhân dân xã Đông Thanh chỉ xác nhận bà N có hộ khẩu thường trú tại địa phương chứ không xác nhận bà N có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không có căn cứ để giảm $\frac{1}{2}$ án phí cho bà N. Vì vậy, bà N phải chịu án phí cụ thể như sau: 60.000.000đồng x 5% = 3.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông N 1.740.000đồng tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, **điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228** và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Minh N về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Tạ Minh N số tiền 60.000.000đồng (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Minh N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải trả 9.600.000đồng tiền lãi.

3. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 3.000.000đồng (ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Tạ Minh N số tiền 1.740.000đồng (một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013460 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/7/2023), riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lài Thị Thu Hà

Thạch Thị Lan N

Phạm Thị Thúy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Phạm Thị Thúy